

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỐNG NHẤT
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỐNG NHẤT

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: THONG NHAT DEVELOPMENT INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: THONG NHAT INVEST., JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0109114044

3. Ngày thành lập: 04/03/2020

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 11, phố Yên Lạc, Phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 024 99 96 96 96

Fax:

Email: ceo@thongnhatinvest.vn

Website: thongnhatinvest.vn

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
2.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
3.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
4.	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật	1040
5.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050
6.	Sản xuất các loại bánh từ bột	1071
7.	Sản xuất đường	1072
8.	Sản xuất ca cao, sôcôla và bánh kẹo	1073
9.	Sản xuất mì ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự	1074
10.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
11.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu	1079
12.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104
13.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Ngoại trừ Hoạt động đấu giá	4610
14.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
15.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
16.	Bán buôn thực phẩm	4632(Chính)
17.	Bán buôn đồ uống	4633
18.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào	4634
19.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
20.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719

21.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
22.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
23.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
24.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc Lào trong các cửa hàng chuyên doanh	4724
25.	Xây dựng nhà để ở	4101
26.	Xây dựng nhà không để ở	4102
27.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
28.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
29.	Xây dựng công trình điện	4221
30.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
31.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
32.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
33.	Xây dựng công trình thủy	4291
34.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
35.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
36.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
37.	Phá dỡ	4311
38.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
39.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
40.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
41.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
42.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
43.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
44.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
45.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
46.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
47.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
48.	Sản xuất pin và ắc quy	2720
49.	Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học	2731
50.	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác	2732
51.	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại	2733
52.	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	2740
53.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
54.	Sản xuất thiết bị điện khác	2790

55.	Sản xuất động cơ, tua bin (trừ động cơ máy bay, ô tô, mô tô và xe máy)	2811
56.	Sản xuất thiết bị sử dụng năng lượng chiết lưu	2812
57.	Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác	2813
58.	Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động	2814
59.	Sản xuất lò nung, lò luyện và lò nung	2815
60.	Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp	2816
61.	Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)	2817
62.	Sản xuất dụng cụ cầm tay chạy bằng mô tơ hoặc khí nén	2818
63.	Sản xuất máy thông dụng khác	2819
64.	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp	2821
65.	Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại	2822
66.	Sản xuất máy luyện kim	2823
67.	Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng	2824
68.	Sản xuất máy chế biến thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	2825
69.	Sản xuất máy cho ngành dệt, may và da	2826
70.	Sản xuất máy chuyên dụng khác	2829
71.	Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu	6399
72.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
73.	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630
74.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
75.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
76.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
77.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120
78.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311

79.	Hoạt động viễn thông khác Chi tiết: - Đại lý dịch vụ viễn thông - Dịch vụ viễn thông cơ bản bao gồm: + Dịch vụ kết nối internet + Các dịch vụ viễn thông cơ bản khác (Không bao gồm thiết lập mạng viễn thông) - Dịch vụ viễn thông giá trị gia tăng bao gồm: + Dịch vụ thư điện tử + Dịch vụ thư thoại + Dịch vụ Fax giá tăng giá trị + Dịch vụ truy nhập Internet - Cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động bao gồm: + Dịch vụ gọi tự do + Dịch vụ gọi giá cao + Dịch vụ ứng dụng tin nhắn ngắn	6190
80.	Lập trình máy vi tính	6201
81.	Hoạt động viễn thông có dây	6110
82.	Hoạt động viễn thông không dây	6120
83.	Hoạt động viễn thông vệ tinh	6130
84.	Hoạt động dịch vụ liên quan đến các cuộc gọi Chi tiết: - Các dịch vụ thông tin qua điện thoại; - Các dịch vụ tìm kiếm thông tin thông qua hợp đồng hay trên cơ sở phí; - Các dịch vụ cắt xén thông tin, báo chí; (không hoạt động báo chí);	8220
85.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
86.	Dịch vụ đóng gói	8292
87.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Bán lẻ hàng hóa như: thiết bị, vật tư khoan địa chất;	4773
88.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, máy xây dựng; - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy như: thiết bị, vật tư khoan địa chất;	4659
89.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312

90.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Thiết kế công trình khai thác mỏ; - Khảo sát địa chất công trình; - Khảo sát trắc địa công trình; - Thiết kế công trình đường bộ; - Hoạt động thăm dò địa chất, nguồn nước; - Hoạt động tư vấn kỹ thuật có liên quan khác: kỹ thuật khai khoáng, kỹ thuật hóa học, công nghiệp và nhiều hệ thống, kỹ thuật an toàn, kỹ thuật kiểm soát ô nhiễm và các hoạt động tư vấn kỹ thuật có liên quan;	7110
91.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
92.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
93.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
94.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
95.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
96.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
97.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
98.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
99.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640

6. Vốn điều lệ: 6.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 600.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	TỔNG QUANG VINH	P 903 nhà NO2 khu 5,3ha, Phường Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	198.000	1.980.000.000	33,000	035081002079	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	198.000	1.980.000.000	33,000		
2	VŨ THU HÀ	P102-B21 Nam Thành Công, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	198.000	1.980.000.000	33,000	012623843	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	198.000	1.980.000.000	33,000		

3	NGUYỄN BÁ TRUNG	P409 H2 Thành Công, Phường Thành Công, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	204.000	2.040.000.000	34,000	035082002679
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	204.000	2.040.000.000	34,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN BÁ TRUNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 26/04/1982

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 035082002679

Ngày cấp: 11/08/2017

Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: P409 H2 Thành Công, Phường Thành Công, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: P409 H2 Thành Công, Phường Thành Công, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội